|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** Số: 11/2014/QĐ-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Đà Nẵng, ngày 18 tháng 4 năm 2014* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 14 và khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 15 Quy định về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2007**

**UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát,đánh giá thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 14 và khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 15 Quy định về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 11/2007/QĐ- UBND ngày 06 tháng 02 năm 2007 của UBND thành phố Đà Nẵng.

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 14 như sau:

“3, Tổ chức lấy ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo lựa chọn các hình thức lấy ý kiến hoặc kết hợp các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này nhưng bắt buộc phải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện văn bản.

b) Đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có qui định về thủ tục hành chính, ngoài việc lấy ý kiến theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này, cơ quan chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến của Sở Tư pháp về thủ tục hanhf chính theo quy định trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

c) Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan , tổ chức, cá nhân để chỉnh lý dự thảo. Bản tổng hợp và giải trinhhf tiếp thu ý kiến góp ý ( kể cả giải trình về việc tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính) phải được đưa vào hồ sơ thẩm định và hồ sơ trình dự thảo văn bản”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 15 như sau:

“3. Hồ sơ gửi thẩm định bao gồm:

a) Công văn yêu cầu thẩm định;

b) Dự thảo tờ trình, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật cần thẩm định;

c) bản tổng hợp và giải trình tiếp thui ý kiến góp ý (kể cả ý kiến góp ý về thủ tục hành chính);

d) Bản sao văn bản góp ý của các tổ chức, cá nhân có liên quan;

đ) Các văn bản là cơ sở pháp lý để xây dựng văn bản, tài liệu tham khảo;

e) Đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính thì ngoài thành phần hồ shẩm định nêu tại các điểm a, b, c, d, đ khoản này, cơ quan chủ trì soạn thảo phải tổ chức đánh giá tác động và hồ sơ thẩm định phải có các bản đánh giá tác động đối với từng thủ tucj hành chính được quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Việc đánh giá tác động thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại T^hông tư số 07/2014/TT- BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính.

Sở Tư pháp hướng dẫn và đề nghị bổ sung nếu hồ sơ gửi thẩm định thiếu một trong các hồ sơ nêu trên”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 15 như sau:

“4. Phạm vi thẩm định bao gồm :

1. Sự cần thiết ban hành;
2. Đối tượng, phạm vi điều chinhhr của dự thảo;
3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo với hệ thống pháp luật;
4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản;

đ) Quy định về thủ tục hành chính ( đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính).

e) Sở Tư pháp có thể đưa ra ý kiến về tính khả thi của dự thảo văn bản.

4. Sửa đổi khoản 5 Điều 15 như sau:

“5. Trong thời hạn không quá 08 (tám) ngaỳh làmm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thẩm định, Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có thẩm định quy định về thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính ( đã được sửa đổi, bổ sung) và trả lời bằng văn bản cho cơ quan soạn thảo.

Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp tiến hành đánh giá tác động độc lập các quy định về thủ tục hành chính; tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động và các tổ chức, cá nhân có liên quan để hoàn thiện nội dung thẩm định quy định về thủ tục hành chính trong Báo cáo thẩm định”

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2011 của UBND thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung khoản 3 Đièu 14 và khoản 3 Điều 15 của Quy định về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND ngaỳ 06 tháng 02 năm 2007 của UBND thành phố Đà Nẵng.

**Điều .** Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các quận, huyện và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN  CHỦ TỊCH   Văn Hữu Chiến** |